

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

| Nội dung đánh giá   |  | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|---------------------------------|
| <b>1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng</b>   |  |                                 |
| Các loại vật liệu chính trong bảng danh mục toàn bộ sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sử dụng vào gói thầu, do Nhà thầu đề xuất, yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. Nhà thầu phải nêu đầy đủ các chủng loại vật tư đưa vào công trình, mỗi loại vật tư chỉ đưa ra một chủng loại tương ứng mà nhà thầu áp giá vào giá dự thầu. | Có tài liệu chứng minh được nguồn cung cấp: <ul style="list-style-type: none"><li>- Ghi rõ tiêu chuẩn áp dụng, thương hiệu nguồn gốc xuất xứ và các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật theo yêu cầu thiết kế.</li><li>- Chỉ đề xuất cho mỗi loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng một thương hiệu mà không được ghi “hoặc tương đương”. Trong trường hợp loại sản phẩm đề xuất không còn sản xuất hoặc không có trên thị trường thì nhà thầu sẽ kiến nghị Chủ đầu tư để xem xét thay đổi sau.</li><li>- Có hợp đồng nguyên tắc với bên cung ứng.</li><li>- Có giấy phép kinh doanh của nhà cung ứng kèm theo.</li></ul> | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không có Hợp đồng nguyên tắc hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh của Nhà cung cấp.   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>2. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ</b>  |  |                                 |
| E-HSMT có đặc tính, thông số kỹ thuật, tính năng, chức năng của thiết bị, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.   | Có đầy đủ tài liệu chứng minh và nêu đầy đủ các nội dung yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất của thiết bị dự thầu và kèm hình ảnh; đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị tại phần III chương V E-HSMT  | <b>Đạt</b>                      |

| <b>Nội dung đánh giá</b>   |   | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|--|---|--|
|  | Không có đầy đủ tài liệu chứng minh hoặc không nêu rõ một trong các nội dung yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất của thiết bị dự thầu và kèm hình ảnh hoặc không đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị tại phần III chương V E-HSMT | Không đạt                              |
| <b>3. Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa, thiết bị; khả năng lắp đặt thiết bị; tiến độ cung cấp hàng hóa</b>   |   |  |
| <b>3.1. Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa, thiết bị</b><br>* Đặc tính, thông số kỹ thuật, tính năng, chức năng của thiết bị căn cứ vào mã hàng hóa mà nhà thầu ghi trong E-HSMT để đánh giá theo các tiêu chí sau:<br>+ Nhà thầu phải lập bảng kê khai đáp ứng các thông số kỹ thuật của thiết bị dự thầu với thiết bị mời thầu, trong đó ghi chú rõ thiết bị có thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT.<br>+ Bảng cam kết Thiết bị cung cấp mới 100%, các hàng hóa, thiết bị phải có năm sản xuất đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT.<br>+ Tài liệu kỹ thuật làm căn cứ đánh giá một trong các tài liệu (bao gồm datasheet, catalogue, ...) chính thức của nhà sản xuất hoặc đại | Đáp ứng đầy đủ và cung cấp đầy đủ các tài liệu theo nội dung yêu cầu của E-HSMT   | Đạt                                    |
|  | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của E-HSMT hoặc tài liệu cung cấp được đánh giá không phù hợp, không đáp ứng E-HSMT.  | Không đạt                              |

| <b>Nội dung đánh giá</b>   |  | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|--|--|--|
| <p>diện uỷ quyền của nhà sản xuất công bố và phát hành tại thời điểm đánh giá E-HSDT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu phải nộp kèm tài liệu kỹ thuật theo yêu cầu (nêu trên) cho các hàng hoá dự thầu.</li> <li>- Trường hợp tài liệu kỹ thuật và thông số kỹ thuật, tính năng, chức năng của thiết bị ghi trong E-HSDT có nội dung khác nhau thì nhà thầu phải nộp kèm tài liệu khác chứng minh thông số kỹ thuật, tính năng, chức năng của thiết bị dự thầu là hàng chính hãng của nhà sản xuất, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.</li> <li>- Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin tài liệu kỹ thuật mà nhà thầu nộp khi dự thầu.</li> <li>- Có cam kết cung cấp chứng nhận CO, CQ cho hàng nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng hoá sản xuất trong nước khi giao hàng.</li> </ul> |  |  |
| <p><b>3.2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp</b></p>   | <p>- Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, thiết bị hợp lý và hiệu quả kinh tế.</p> | <p>Đạt</p>                             |

| <b>Nội dung đánh giá</b>  |   | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|---|---|--|
| <b>tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, thiết bị</b>   | - Có biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, thiết bị chi tiết kể từ khi bắt đầu thực hiện hợp đồng cho đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng theo thời gian thực hiện gói thầu do nhà thầu đề xuất. |  |
|   | - Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên  | Không đạt                              |
| <b>4. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;</b>  |   |  |
| <b>4.1. Giải pháp kỹ thuật: Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm các nội dung sau:</b><br>Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm các nội dung sau:<br>(1) Kho bãi tập kết thiết bị thi công;<br>(2) Kho bãi tập kết vật liệu, hóa chất;<br>(3) Lán trại;<br>(4) Bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo;<br>(5) Cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. | Có giải pháp kỹ thuật (bao gồm thuyết minh, bản vẽ) hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng dự án xây dựng.  | Đạt                                    |
|   | Không có hoặc thiếu $\geq 1$ giải pháp kỹ thuật hoặc có giải pháp kỹ thuật theo yêu cầu nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng dự án xây dựng.        | Không đạt                              |
| <b>4.2. Biện pháp tổ chức thi công lắp đặt thiết bị công trình:</b> Biện pháp tổ chức, công nghệ thi công chi tiết các hạng mục công việc công trình thuộc gói thầu đang xét theo đúng yêu cầu kỹ thuật và theo Hồ sơ thiết kế được duyệt   | - Có đề xuất biện pháp thi công lắp đặt thiết bị hợp lý, khả thi theo Thiết kế và nội dung công việc thực hiện;<br>- Có bản vẽ biện pháp thi công lắp đặt thiết bị phù hợp với đề xuất.                           | Đạt                                    |
|   | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên.   | Không đạt                              |

| <b>Nội dung đánh giá</b>  |  | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|---|--|--|
| <b>4.3. Biện pháp tổ chức thi công, lắp đặt công trình:</b><br>Hoàn thiện, vệ sinh, bàn giao công trình     | - Có đề xuất biện pháp thi công, lắp đặt thiết bị hợp lý, khả thi theo Thiết kế và nội dung công việc thực hiện;<br>- Có bản vẽ phù hợp với đề xuất. | Đạt                                    |
|   | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các yêu cầu trên.  | Không đạt                              |
| <b>5. Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;</b>              |  |  |
| <b>5.1. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.</b>       | Có sơ đồ tổ chức quản lý dự án và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý.                                  | Đạt                                    |
|   | Có sơ đồ tổ chức quản lý dự án và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu nhưng chưa chi tiết, cụ thể.                | Chấp nhận được                         |
|   | Không có sơ đồ tổ chức quản lý dự án và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.                        | Không đạt                              |
| <b>5.2. Sơ đồ tổ chức quản lý hiện trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.</b> | Có sơ đồ tổ chức tổ chức quản lý hiện trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý.                    | Đạt                                    |
|   | Có sơ đồ tổ chức tổ chức quản lý hiện trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu nhưng chưa chi tiết, cụ thể.  | Chấp nhận được                         |
|   | Không có sơ đồ tổ chức quản lý hiện trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.                  | Không đạt                              |
| <b>6. Tiến độ thực hiện gói thầu</b>  |  |  |

| <b>Nội dung đánh giá</b>   |  | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|--|--|--|
| 6.1. Thời gian thi công:<br>Đảm bảo thời gian thi công không quá 450 ngày  | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 450 ngày   | Đạt                                    |
|  | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 450 ngày  | Không đạt                              |
| 6.2. Biểu đồ tiến độ thi công và lắp đặt thiết bị hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Có Biểu đồ tiến độ thi công và lắp đặt thiết bị hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E- HSMT   | Đạt                                    |
|  | Không có Biểu đồ tiến độ thi công và lắp đặt thiết bị hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và không đáp ứng yêu cầu của E- HSMT | Không đạt                              |
| 6.3. Biểu đồ bố trí nhân công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT                     | Có Biểu đồ bố trí nhân công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT  | Đạt                                    |
|  | Không có Biểu đồ bố trí nhân công hoặc có Biểu đồ bố trí nhân công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật                                 | Không đạt                              |
| 6.4. Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT            | Có Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT   | Đạt                                    |
|  | Không có Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hoặc có Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật               | Không đạt                              |
| 6.5. Biểu đồ huy động máy móc thiết bị hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ  | Có Biểu đồ huy động máy móc thiết bị hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT   | Đạt                                    |

| <b>Nội dung đánh giá</b>  |  | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|---|--|--|
| thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT   | Không có Biểu đồ huy động máy móc thiết bị hoặc có Biểu đồ huy động máy móc thiết bị nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật | Không đạt                              |
| <b>7. Các biện pháp bảo đảm chất lượng</b>  |  |  |
| 7.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng.  | Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.<br>Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng.                                       | Đạt                                    |
|   | Có sơ đồ quản lý chất lượng tương đối rõ ràng, hợp lý.<br>Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng tương đối rõ ràng, hợp lý.   | Chấp nhận được                         |
|   | Không trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu hoặc có trình bày nhưng sơ sài   | Không đạt                              |
| 7.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng, bao gồm các nội dung sau:<br>(1) Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị.<br>(2) Lập các tài liệu cần thiết trình chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt trước khi thi công.<br>(3) Biện pháp quản lý chất lượng cho từng công tác thi công, cung cấp lắp đặt thiết bị phù hợp với gói thầu đang xét.<br>(4) Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, | Có nêu đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.  | Đạt                                    |
|   | Có nêu đầy đủ và hợp lý, khả thi và tương đối phù hợp với biện pháp thi công.  | Chấp nhận được                         |
|   | Không nêu hoặc thiếu $\geq 1$ biện pháp hoặc có nêu nhưng không phù hợp với biện pháp thi công.  | Không đạt                              |

| Nội dung đánh giá   |   | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|---------------------------------|
| thực nghiệm thu, thanh quyết toán.  |   |                                 |
| <b>8. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động</b>  |   |                                 |
| <b>8.1. Vệ sinh môi trường:</b><br>Biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: Tiếng ồn; Bụi và khói; Rung; Kiểm soát nước thải, Kiểm soát rác thải, vệ sinh.  | - Có biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: Tiếng ồn; Bụi và khói; Rung; Kiểm soát nước thải, Kiểm soát rác thải, vệ sinh đầy đủ, rõ ràng<br>- Có thuyết minh công tác xử lý chất thải, đổ thải trong quá trình thi công công trình.  | Đạt                             |
|   | - Có biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: Tiếng ồn; Bụi và khói; Rung; Kiểm soát nước thải, Kiểm soát rác thải, vệ sinh tương đối đầy đủ, rõ ràng<br>- Có thuyết minh công tác xử lý chất thải, đổ thải trong quá trình thi công công trình tương đối đầy đủ, rõ ràng   | Chấp nhận được                  |
|   | Không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu hoặc có đủ nhưng sơ sài, chưa rõ ràng   | Không đạt                       |
| <b>8.2. Phòng cháy, chữa cháy:</b> Biện pháp phòng cháy, chữa cháy: Quy định, quy phạm tiêu chuẩn; Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ; Bố trí nhân sự đã được huấn luyện kỹ năng PCCC theo quy định để phục vụ cho công việc chữa cháy khi cần thiết tại nơi làm việc ở | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy: Quy định, quy phạm tiêu chuẩn; Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ; Bố trí nhân sự đã được huấn luyện kỹ năng PCCC theo quy định để phục vụ cho công việc chữa cháy khi cần thiết tại nơi làm việc ở công trường (Theo QCVN 18:2021/ BXD) đầy đủ, rõ ràng. | Đạt                             |
|   | Không có biện pháp hoặc có nhưng chưa đầy đủ theo yêu cầu   | Không đạt                       |

| <b>Nội dung đánh giá</b>  |   | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|---|---|--|
| công trường (Theo QCVN 18:2021/BXD).  | hoặc có đủ nhưng sơ sài, chưa rõ ràng;  |  |
| <b>8.3. An toàn lao động:</b><br>Biện pháp đảm bảo an toàn lao động: Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; An toàn giao thông ra vào công trường; Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường. | Có đầy đủ, rõ ràng các nội dung biện pháp đảm bảo an toàn lao động: Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; An toàn giao thông ra vào công trường; Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường; Xác định các vùng nguy hiểm, vùng nguy hại trên công trường và khu vực lân cận công trường, lập Biện pháp kiểm soát bảo đảm an toàn; Lập biện pháp quản lý an toàn cho công trình hiện hữu và khu vực xung quanh công trường; Lập biện pháp an toàn khi làm việc trên cao bao gồm: Các yếu tố nguy hiểm; trang bị bảo vệ cá nhân; quy định an toàn đối với con người; quy định an toàn đối với phương tiện. Lập kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo phụ lục III Nghị Định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ. | Đạt                                    |
|   | Không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu hoặc có đủ nhưng sơ sài, chưa rõ ràng   | Không đạt                              |
| <b>9. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật kèm theo như dịch vụ sau bán hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ...; uy tín của nhà thầu:</b>   |   |  |
| 9.1. Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì  | - Có cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. Đối với các thiết bị bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì theo quy   | Đạt                                    |

| <b>Nội dung đánh giá</b>   |   | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|--|---|--|
|  | <p>định của nhà sản xuất tuy nhiên không nhỏ hơn 12 tháng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch bảo trì tối thiểu 03 tháng/lần (04 lần/năm) kể từ ngày bàn giao nghiệm thu.</li> <li>- Nhà thầu (kể cả thành viên liên danh) phải có cam kết: Cam kết có đội ngũ nhân viên sửa chữa thiết bị, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu sửa chữa bảo hành trong vòng 48 giờ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.</li> </ul> |  |
|  | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ theo yêu cầu trên.  | Không đạt                              |
| 9.2. Điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp | Nhà thầu có cam kết về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.   | Đạt                                    |
|  | Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ theo yêu cầu trên.  | Không đạt                              |
| <b>9. Uy tín của nhà thầu</b>  |   |  |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó.   | Nhà thầu không vi phạm hoặc có vi phạm nhưng thực hiện bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025   | Đạt                                    |
|  | Vi phạm trong việc tham dự thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định 214/2025/NĐ-CP nhưng không thực hiện bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025   | Không đạt                              |

| <b>Nội dung đánh giá</b> |  | <b>Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt</b> |
|--------------------------|--|--|
| <b>Kết luận</b>          | <b>Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt</b> | <b>Đạt</b>                             |
|                          | <b>Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</b>    | <b>Không đạt</b>                       |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.